

NỘI DUNG TỪ VỰNG NGỮ PHÁP LỚP 5 TUẦN 18- 19- 20

STT	NỘI DUNG	LƯU Ý
1	HS ôn tập cách viết thuộc các từ chỉ động vật hoang dã, các động từ ở thì quá khứ đi kèm: giraffe(s), bear(s), ostrich(es), zebra(s), python(s), crocodile(s), peacock(s), gorilla(s), panda(s) roar(ed) loudly, move(d) beautifully, move(d) quietly, eat(ate) slowly -Yesterday, last Sunday/Saturday...	Động từ+ed; Động từ BQT(thuộc) Play-played See-saw.
2	Hs ghi nhớ các từ chỉ các ngày lễ trong năm: Sport Day, Teacher's Day, Independence Day, Children's Day Các ngày trong tuần Monday to Sunday. Các động từ đi kèm: play basketball/football/ table tennis/badminton.	Teacher's Day is on the twentieth of November.
3	Các cấu trúc câu liên quan tới các căn bệnh: have a stomachache/an earache/sore throat/a toothache/a fever/a headache/a high temperature. have sore eyes/backache/a cold/a broken leg/a broken arm/sick, tired <i>should / shouldn't</i> <i>go to the dentist, take a rest,</i> <i>eat a lot of fruit/sweets, carry</i> <i>heavy things, take an aspirin</i> Hỏi và trả lời các câu hỏi liên quan đến căn bệnh .	I/We/They have...+(a/an) + căn bệnh He/She has...+(a/an)+căn bệnh
	<ul style="list-style-type: none"> • When did you go to the zoo? - I went there yesterday. • What did you see at the zoo? - I saw _____(elephants). • What did the ____S/ES do when you were there? - They roared loudly. 	Danh từ thêm S/ES sau danh từ số nhiều.
	2. • When will _____ be? - It'll be on _____ ('ll=will) • What are you going to do on Sports Day? -I'm going to _____.	CN: I / You/ We/ They: will She / He/ It: will : I am +going to You/ We/ They +going to She / He/ It+going to
	3. - You should/ shouldn't _____. - Yes, I will. Thanks. -OK, I won't. Thanks. What's the matter with you / him / Tony...? - I've / He's ... got a headache.	Chú ý với động từ "have" I / You/ We/ They: have She/ He/ It: has

How do / does you / him ... feel now? I / He feel(s) dizzy. I've / He's ... got a headache.	
--	--

BÀI TẬP BỔ TRỢ

Name:

Class:

School:

1/ Odd one out

- | | | | |
|------------------|----------------|-------------------|------------------|
| 1. A. year | B. subject | C. week | D. month |
| 2. A. toothache | B. mouth | C. hand | D. stomach |
| 3. A. travelled | B. visited | C. drove | D. speak |
| 4. A. morning | B. swimming | C. cooking | D. dancing |
| 5. A. Thursday | B. Monday | C. today | D. Sunday |
| 6. A. headache | B. toothache | C. matter | D. fever |
| 7. A. on | B. hand | C. in | D. to |
| 8. A. they | B. I | C. she | D. his |
| 9. A. crocodile | B. hippo | C. peacock | D. sore eyes |
| 10. A. Sport Day | B. roar loudly | C. Children's Day | D. Teacher's Day |

2/ Circle the best answer:

1. What is the matter with you? – I have a

- a. sport b. roared c. sore throat

2. Nam feels.....

- a. are b. do c. tired

3. What you going to do on Sport Day? – I am going to play badminton.

- a. are b. do c. can

4he going to play chess? – Yes, he is.

- a. are b. is c. does

5. _____they going to fly? – No, they aren't .

- a. are b. do c. can

6. What animals did you see at the zoo? I giraffes.

- a. saw b. see c. seeing

7. What is the matter with her? – She toothache.
 a. has b. have c. has a
8. When ...Teacher's Day? – Teacher's Day is on the twentieth of November.
 a. am b. are c.is
9. What ...you do on Teacher's Day? – I'll give some flowers to my teachers.
 a. will b. am c.can
10. What are you doing? Imy homework
 a. am doing b. doing c. do

3/ Rearrange the sentences (Sắp xếp lại những câu sau)

- 1 / What's /matter/ the /Kate /with/?/

2. to the zoo/ next Sunday /Are/ going/you?

3. play/ on Sports Day/ football/ will / The boys

4. see/ animals/ What/ you/ did/ the/ zoo/ at/?/

5. Lan/ an/ elephant/ saw/ the/ at/ zoo/ last /Sunday

4/ Leave me out

- | | |
|----------------|-------------|
| 1. CHEASS | 11. WATEER |
| 2. TELERPHONE | 12. MABLE |
| 3. BIANGO | 13. IDEAR |
| 4. DOWIN | 14. BUSTY |
| 5. FINEISH | 15. ENODUGH |
| 6. FIVELD | 16. PLANKE |
| 7. NEPAR | 17. LESMON |
| 8. EXCIATING | 18. SABD |
| 9. PICANIC | 19. CANODLE |
| 10. CELEYBRATE | 20. BORAT |

5/. Circle the words that pronounced differently others

- | | | | |
|-----------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| 1. A. <u>p</u> en | B. <u>r</u> ed | C. fri <u>e</u> nd | D. <u>e</u> raser |
| 2. A. <u>h</u> i | B. <u>f</u> ive | C. <u>p</u> ink | D. <u>f</u> ine |
| 3. A. <u>b</u> ag | B. <u>o</u> range | C. <u>c</u> at | D. <u>h</u> at |
| 4. A. <u>t</u> his | B. <u>th</u> anks | C. <u>th</u> at | D. <u>th</u> e |
| 5. A. <u>f</u> ly | B. <u>m</u> y | C. <u>f</u> amily | D. <u>b</u> y |
| 6. A. <u>m</u> orning | B. <u>n</u> ot | C. <u>d</u> og | D. <u>n</u> o |
| 7. A. <u>h</u> ouse | B. <u>h</u> our | C. <u>h</u> orse | D. <u>h</u> ate |
| 8. A. <u>th</u> rough | B. <u>th</u> ese | C. <u>th</u> e | D. <u>th</u> is |
| 9. A. <u>c</u> at | B. <u>p</u> aper | C. <u>b</u> ag | D. <u>h</u> at |
| 10. A. <u>m</u> any | B. <u>m</u> y | C. <u>c</u> ity | D. <u>p</u> retty |
| 11. A. <u>b</u> ag | B. <u>h</u> ave | C. <u>v</u> illage | D. <u>l</u> amp |
| 12. A. <u>h</u> is | B. <u>w</u> hite | C. <u>s</u> ister | D. <u>m</u> iss |
| 13. A. <u>h</u> i | B. <u>f</u> ive | C. <u>f</u> ine | D. <u>s</u> ix |
| 14. A. <u>b</u> ag | B. <u>h</u> ave | C. <u>v</u> illage | D. <u>l</u> amp |
| 15. A. <u>d</u> og | B. <u>b</u> rother | C. <u>m</u> orning | D. <u>o</u> n |
| 16. A. <u>h</u> at | B. <u>c</u> at | C. <u>s</u> mall | D. <u>h</u> ave |
| 17. A. <u>c</u> loudy | B. <u>h</u> ouse | C. <u>a</u> bout | D. <u>f</u> our |
| 18. A. <u>w</u> atch | B. <u>w</u> ant | C. <u>b</u> ank | D. <u>w</u> hat |
| 19. A. <u>t</u> his | B. <u>t</u> hin | C. <u>t</u> hank | D. <u>m</u> ath |
| 20. A. <u>l</u> ike | B. <u>t</u> hink | C. <u>d</u> rink | D. <u>t</u> hing |

6. Fill in the blank.

Some of my friends couldn't go to school yesterday morning. Nam (1) _____ go to school because he had a sore eye. Mai (2) _____ a fever and she stayed in bed at home. Tom had a toothache and he stayed at home, too. Phong couldn't (3) _____ to school because he broke his leg. Quan had a (4) _____ because he ate too much spicy food. It (5) _____ a terrible day for my class.